


<p style="text-align: center;"> CEFMINOX SODIUM For Injection Powder for Injection 1 G </p>	
<p>  Prescription drug </p> <p style="text-align: right;">1.0 g x 10 vials</p> <p style="text-align: center;"> CEFMINOX SODIUM For Injection Powder for injection 1 G intravenous </p>	<p> Composition: Each vial contains: Cefminox sodium hydrate equivalent Cefminox 1.0 g Thành phần: Mỗi lọ chứa Cefminox sodium hydrate tương đương với Cefminox 1.0 g </p> <p> Indications/Dosage and administration, Contra-indications, side effects & other information: See the leaflet inside </p> <p> Chỉ định, liều dùng và cách dùng, chống chỉ định, tác dụng phụ và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng </p> <p> Specification: Tiêu chuẩn: In-house/TCCS. </p>



Thuốc bán theo đơn Tiêm tĩnh mạch

Rx

CEFMINOX SODIUM
For Injection

Bột pha tiêm 1 G

Mỗi lọ chứa:
Cefminox sodium hydrate tương đương
Cefminox 1.0 g

Sản xuất tại Trung Quốc bởi:
SHENZHEN ZHIJUN PHARMACEUTICAL CO., LTD
Hi-TECH Zone, Qianxi, Baoan Area, Shenzhen, China

Số lô SX: dcim11yy
HỮ: oom11yy

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 1/10/2012

Rx Thuốc bán theo đơn 1.0 g x 10 lọ

CEFMINOX SODIUM
For Injection

Bột pha tiêm 1G
Tiêm tĩnh mạch

DNNK:

Sản xuất tại Trung Quốc bởi:
SHENZHEN ZHIJUN PHARMACEUTICAL CO., LTD
Hi-TECH Zone, Qianxi, Baoan Area, Shenzhen, China

Storage: Keep in tight containers, store below 30°C.
Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.

Keep out of the reach of children.
Read the direction carefully before use.
Đề xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Voice No./SDX:
Batch No./Số lô SX:
Mfg. Date/NSX: dcim11yy
Exp. Date/HĐ: oom11yy



LIAO ZHEI

4/263/83/BSL1

Handwritten signature

Tờ hướng dẫn sử dụng

R, THUỐC KÊ ĐƠN

Cefminox Sodium for Injection

(Cefminox 1.0 g)

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ, dược sĩ.

[Tên thuốc]

Cefminox Sodium for Injection

[Thành phần]

Mỗi lọ chứa: Cefminox sodium tương đương với 1.0 g cefminox.

[Dạng bào chế] Bột pha tiêm.

[Quy cách đóng gói] 10 lọ/hộp.

[Đặc tính dược lực học]

Cefminox có phổ kháng khuẩn rộng chống lại các vi khuẩn gram âm và gram dương, đặc biệt là *Escherichia coli*, *Klebsiella sp*, *Haemophilus influenzae*, *Proteus sp* và *Bacteroides fragilis*.

Cơ chế tác động: cefminox ức chế tổng hợp thành tế bào vi khuẩn do ái lực của nó đối với protein liên kết penicillin. Thuốc cũng kết hợp với peptidoglycan ức chế liên kết vi khuẩn peptidoglycan-lipoprotein. Bởi vậy, thuốc thúc đẩy quá trình diệt vi khuẩn và cho thấy hoạt động diệt khuẩn mạnh trong thời gian ngắn.

[Dược động học]

Nồng độ huyết thanh của cefminox sau khi sử dụng đối với người lớn có chức năng thận bình thường phụ thuộc vào liều sử dụng với nửa đời huyết thanh trung bình là 2,5 giờ.

Cefminox được bài tiết chủ yếu qua thận. Ở người lớn với chức năng thận bình thường, tỉ lệ bài tiết qua nước tiểu là 90% trong vòng 12 giờ. Các bệnh nhân bị suy thận cho thấy nửa đời huyết thanh kéo dài phụ thuộc vào mức độ suy thận. Ở các bệnh nhân bị suy thận nghiêm trọng (Cr <10), tỉ lệ bài tiết qua nước tiểu khoảng 10% trong vòng 24 giờ và trong trường hợp các bệnh nhân suy thận ở mức độ vừa phải (Cr=48), tỉ lệ bài tiết qua nước tiểu khoảng 60% trong vòng 12 giờ.

[Chỉ định]

Dùng điều trị các nhiễm khuẩn gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với cefminox:

Nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm amidan, áp xe quanh amidan, viêm phế quản, giãn phế quản, nhiễm khuẩn thứ cấp các bệnh đường hô hấp kinh niên, viêm phổi và nhiễm trùng phổi.

Nhiễm khuẩn đường tiết niệu như viêm thận-bể thận, viêm bàng quang

Nhiễm khuẩn ổ bụng như viêm túi mật, viêm đường mật, và viêm màng bụng

Viêm vùng xương chậu, viêm tử cung, nhiễm khuẩn trong tử cung, viêm mô cận tử cung

Điều trị nhiễm khuẩn huyết.

[Liều lượng và cách dùng]

Liều lượng:

Người lớn: Mỗi ngày 2 g chia làm 2 lần. Liều sử dụng có thể được điều chỉnh theo độ tuổi bệnh nhân và mức độ nhiễm khuẩn.

Handwritten text in the right margin

Nhiễm trùng máu, nhiễm trùng nặng: Liều sử dụng hàng ngày có thể tăng lên tới 6 g, chia làm 3-4 lần/ngày.

Trẻ em: 20 mg/kg/lần, chia làm 3-4 lần/ngày

Cách dùng:

Cefminox có thể tiêm tĩnh mạch hoặc truyền tĩnh mạch

Tiêm tĩnh mạch: hòa tan 1 g cefminox trong 20 ml nước cất pha tiêm, dung dịch dextrose 5%, dung dịch dextrose 10% hoặc dung dịch pha tiêm NaCl 0,9% và tiêm chậm.

Truyền tĩnh mạch: Hòa tan 1 g cefminox trong 100 ml dung dịch dextrose 5%, dung dịch dextrose 10% hoặc dung dịch pha tiêm NaCl 0,9% và truyền trong thời gian từ 1 đến 2 giờ.

Thuốc chỉ dùng khi có sự kê đơn của Bác sĩ.

[Chống chỉ định]

Cefminox không sử dụng cho các bệnh nhân có tiền sử mẫn cảm với cefminox và các kháng sinh cephem.

[Thận trọng]

Bệnh nhân mẫn cảm với các kháng sinh β -lactam cần thận trọng khi sử dụng.

Bệnh nhân với cơ địa dị ứng như suyễn, viêm mũi dị ứng, ngoại ban, mày đay

Bệnh nhân bị suy thận nặng cần thận trọng khi sử dụng

Uống bia, rượu và các thứ tương tự có thể gây nên chứng đỏ mặt, hồi hộp, chóng mặt, đau đầu và buồn nôn. Do đó, cần phải tránh đưa ethanol vào cơ thể trong suốt thời gian điều trị và ít nhất là 1 tuần sau khi kết thúc thời gian điều trị.

[Tác dụng phụ]

- Sốc: Hiếm khi xảy ra. Cần quan sát cẩn thận nếu có bất kỳ dấu hiệu hay triệu chứng nào liên quan đến sốc như: bực bội, tiếng thở khò khè, chóng mặt, buồn đi ngoài, ù tai và đỏ mề hôi thì cần ngừng sử dụng cefminox và có các biện pháp thích hợp.

- Giảm toàn thể huyết cầu hiếm khi xảy ra.

- Viêm ruột kết nghiêm trọng cùng với việc đi ngoài ra máu hiếm khi xảy ra. Do đó, cần theo dõi cẩn thận và nếu đau bụng và đi ngoài thường xuyên xảy ra cần phải ngừng sử dụng thuốc ngay lập tức và có các biện pháp thích hợp.

- Các tác dụng không mong muốn khác như: ban đỏ, ngứa, buồn nôn, ăn không ngon miệng hiếm khi xảy ra.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

[Tương tác thuốc]

Trộn lẫn với aminophyllin hoặc pyridoxal phosphat làm giảm hiệu lực của cefminox. Bởi vậy, cần phải tránh kết hợp những thuốc này khi tiêm. Cefminox cần phải được sử dụng thận trọng khi dùng đồng thời với thuốc lợi tiểu (ví dụ như furosemid) do khả năng độc với thận. Các nghiên cứu trên động vật cho thấy cefminox tác động đến sự chuyển hóa rượu dẫn đến tăng hàm lượng andehyt trong máu. Các phản ứng giống disulfiram có thể xảy ra. Bởi vậy, cần tránh sử dụng rượu trong thời gian điều trị và ít nhất 1 tuần sau khi kết thúc thời gian điều trị.

[Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú]

Không có nghiên cứu nào về sử dụng cefminox đối với phụ nữ có thai. Tính an toàn cho phụ nữ có thai chưa được thiết lập. Do vậy, chỉ sử dụng cefminox cho phụ nữ có thai chỉ khi thực sự cần. Cần thận trọng khi sử dụng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.

[Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc]

Không.

[Quá liều]

Phần lớn thuốc chỉ gây buồn nôn, nôn và ỉa chảy. Tuy nhiên, có thể gây phản ứng tăng kích thích thần kinh cơ và cơn co giật, nhất là ở người suy thận.

Cần quan tâm đến khả năng quá liều của nhiều loại thuốc, sự tương tác thuốc và được động học bất thường ở người bệnh.

[Bảo quản]

Bảo quản trong bao bì kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.

[Hạn dùng]

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sử dụng dung dịch sau khi pha trong vòng 12 giờ ở nhiệt độ dưới 30°C hoặc trong vòng 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C.

ĐỀ THUỐC TRÁNH XA TÀM TAY TRẺ EM.

Nhà sản xuất

SHENZHEN ZHIJUN PHARMACEUTICAL CO., LTD.

HI-TECH Zone, Guanlan, Baoan Area, Shenzhen, China



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thanh



LIÀO ZHI